| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LÝ NHÂN**<br>**TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 21-3-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chín Hiệp và bà Lê Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên toà:*** Ông Trần Xuân Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Xóm 2, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị T1 (không xác định được bố); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11-12-2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại (nạn nhân)**: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1997 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của chị S:

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1964. Có mặt;

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964. Có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (bà T2 và ông M là bố mẹ đẻ của chị S). Bà T2 đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông M trong vụ án.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Ông Lê Văn T3, sinh năm 1958.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3: Ông Lê Văn N, sinh năm 1938 (bố đẻ của ông T3).

Ông T3 và ông N cùng trú tại: Xóm 7, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng**:

- Chị Lu Thị D, sinh năm 1994; trú tại: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

- Chị Lê Thị Mỹ O, sinh năm 1999; trú tại: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

- Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1994; trú tại: Thôn 14, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt;

- Anh Lê Trọng T4, sinh năm 1984; trú tại: Xóm 7, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 21 giờ ngày 13-11-2017, Trần Văn T không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô màu sơn xanh - đen - bạc, không đeo biển kiểm soát, chở theo 04 người gồm: Nguyễn Thị S (ngồi phía trước người điều khiển), Hoàng Thị B, Lu Thị D và Lô Thị Mỹ O (ngồi phía sau người điều khiển) đi trên QL38 theo hướng xã H đi thị trấn V. Khi đến đoạn đường cong thuộc xóm 7, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam, do T chở quá số người theo quy định, không giảm tốc độ dẫn đến bị mất lái đâm vào cột mốc bê tông và tường dậu xây của nhà ông Lê Văn T3 phía bên trái đường theo hướng đi.

Hậu quả: Chị Nguyễn Thị S bị tử vong trên đường đi cấp cứu; T, D, B, O bị thương; xe mô tô bị hư hỏng; 02m tường dậu nhà ông Lê Văn T3 bị đổ.

Theo kết luận giám định pháp y: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong cho nạn nhân Nguyễn Thị S là suy tuần hoàn cấp trên nạn nhân vỡ gan do chấn thương ngực bụng.

Chị Hoàng Thị B, Lu Thị D và Lô Thị Mỹ O bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mai táng phí, tổn thất tinh thần với số tiền 102.400.000đồng, bị cáo Trần Văn T và gia đình đã bồi thường 13.200.000đồng; ông Lê Văn N không yêu cầu bị cáo bồi thường 02m tường dậu nhà con trai ông đã bị đổ.

Vật chứng vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, không đeo BKS, màu sơn xanh - đen - bạc là của Trần Văn T; 10 mảnh nhựa vỡ màu xanh; 01 vật có hình dạng giống bộ tóc giả màu vàng đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân ngày 07-02-2018.

Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi và bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Trần Văn T khai: Bị cáo không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô không đeo biển kiểm soát, chở 04 người tham gia giao thông trên QL38. Khi đến đoạn đường cong thuộc xóm 7, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam, do bị cáo không làm chủ tốc độ dẫn đến bị mất lái đâm vào cột mốc bê tông và tường dậu xây của nhà ông Lê Văn T3. Hậu quả làm chị Nguyễn Thị S bị tử vong; 02m tường dậu nhà ông Lê Văn T3 bị đổ. Sau khi gây tai nạn bị cáo đã tích cực vận

động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại nhưng do điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên mới bồi thường được 11.400.000đồng. Đối với số tiền bạn bị cáo hỗ trợ là 1.800.000đồng không tính là tiền bị cáo bồi thường.

- Người đại diện theo pháp luật cho người bị hại đề nghị: Sau khi xảy ra tai nạn, gia đình bị cáo thờ ơ với hậu quả xảy ra, nhiều lần hứa hẹn nhưng không lên bồi thường cho gia đình người bị hại. Số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường 11.400.000đồng là quá ít. Nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 102.400.000đồng, trong đó: Mai táng phí 50.400.000đồng gồm hung táng 30.000.000đồng + cát táng 20.400.000đồng; tiền tổn thất tinh thần 40 tháng lương x 1.300.000đồng/tháng = 52.000.000đồng, bị cáo và gia đình đã bồi thường 11.400.000đồng, bị cáo phải bồi thường tiếp 91.000.000đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-12-2017. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại 102.400.000đồng, số tiền 11.400.000đồng bị cáo và gia đình đã bồi thường được đối trừ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Về hình vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 13-11-2017, Trần Văn T không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô chở theo 04 người gồm: Nguyễn Thị S, Hoàng Thị B, Lu Thị D và Lô Thị Mỹ O đi trên đường QL38 tới đoạn đường cong thuộc xóm 7, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam, do T chở quá số người theo quy định, không giảm tốc độ dẫn đến mất lái đâm vào cột mốc bê tông và tường dậu xây của nhà ông Lê Văn T3 phía bên trái đường theo hướng đi. Hậu quả làm chị Nguyễn Thị S bị tử vong trên đường đi cấp cứu, các chị D, B, O bị thương tích nhẹ, 02m tường dậu xây nhà ông T3 bị đổ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*", theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi và bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm đến tính mạng của người khác, làm mất trật tự an toàn giao thông công cộng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào của vụ án. Bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; thành khẩn khai nhận hành

vi phạm tội; ăn năn hối cải về hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tai nạn giao thông để lại hậu quả nặng nề cho gia đình có người bị nạn và cho xã hội. Nhà nước ta đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tai nạn giao thông nhưng còn nhiều căng go phức tạp, bị cáo không chấp hành các quy định về điều khiển phương tiện giao thông dẫn đến gây tai nạn làm thiệt hại đến tính mạng của người khác. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến tại nạn là do bị cáo chở quá số người theo quy định, khi đến đoạn đường cong bị cáo phóng nhanh, không giảm tốc độ dẫn đến mất lái đâm vào cột mốc bê tông và tường dậu xây bên đường gây tai nạn, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo; hậu quả vụ án là nghiêm trọng nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm chấp hành án sớm hoà nhập cộng đồng xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mai táng phí, tổn thất tinh thần với số tiền 102.400.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; bị cáo và gia đình đã bồi thường 11.400.000đồng được đối trừ, bị cáo phải bồi thường tiếp 91.000.000đồng.

Về tài sản của ông Lê Văn T3 bị hư hỏng, ông T3 không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, không đeo BKS, màu sơn xanh - đen - bạc của Trần Văn T còn giá trị sử dụng nên trả lại cho bị cáo nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án; các vật chứng còn lại không có giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi và bổ sung năm 2009.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-12-2017.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị T2 số tiền 102.400.000đồng (*Một trăm linh hai triệu bốn trăm nghìn đồng*), trừ số tiền bị cáo và gia đình đã bồi thường 11.400.000đồng (*Mười một triệu bốn trăm nghìn*

*đồng*), bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 91.000.000đồng (*Chín mươi mốt triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đại diện cho người bị hại, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo Trần Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, không đeo BKS, màu sơn xanh - đen - bạc nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Các vật chứng còn lại tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu huỷ.

Tình trạng, đặc điểm tài sản như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân ngày 07-02-2018.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*); án phí dân sự sơ thẩm 4.550.000đồng (*Bốn triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng*). Tổng 4.750.000đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo;
- Đại diện người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quốc Trưởng**